

Số: 310/2020/QĐST- DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Tại đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đề ngày 11/01/2018 và các đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn bà Phạm Thị P yêu cầu công nhận cho nguyên đơn phần diện tích đất 468 m², thuộc thửa 406, 479, tờ bản đồ số 07 (TL 02/CT-UB); tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Buộc bị đơn ông Nguyễn Ngọc A trả lại cho nguyên đơn phần diện tích đất 468 m², thuộc thửa 406, 479, tờ bản đồ số 07 (TL 02/CT-UB); tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Kèm theo đơn khởi kiện là các biên bản hòa giải năm 2009, 2015. Tuy nhiên, biên bản hòa giải năm 2009 là hòa giải giữa bà Phạm Thị P với ông Nguyễn Văn R (là cha của ông Nguyễn Ngọc A – đã chết) và biên bản hòa giải năm 2015 là hòa giải về tranh chấp lỗi đi giữa các hộ Trần Thị Thanh L, Nguyễn Ngọc A, Phạm Thị P, đồng thời tại biên bản làm việc ngày 18/02/2020, bà Phạm Thị H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác nhận đối với phần diện tích đất 468 m² đang tranh chấp chưa tiến hành hòa giải với ông Nguyễn Ngọc A tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Như vậy, nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 468 m², thuộc thửa 406, 479, tờ bản đồ số 07 (TL 02/CT-UB); tọa lạc tại ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh với bị đơn mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã T theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 1; điểm c khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ giải quyết vụ án dân sự trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 329/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu và các quyền khác đối với tài sản”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị P, sinh năm 1954.

Địa chỉ: A9/221 ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị H.

Địa chỉ: A9/217 ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1964.

Địa chỉ: A9/216A ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L.

Địa chỉ: 414 đường P, Phường V, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn I, sinh năm 1957.

- Bà Phạm Thị O, sinh năm 1960.

- Ông Đặng Ngọc M, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: A9/221 đường Đ, ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1938.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1961.

- Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1958.

- Ông Nguyễn Ngọc U, sinh năm 1965.

- Ông Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1967.

- Ông Nguyễn Ngọc Y, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: A9/216A đường Đ, ấp 1, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho nguyên đơn.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự có quyền nộp đơn khởi kiện lại trong trường hợp đã có đủ điều kiện khởi kiện.

Về án phí: Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2018/0025705 ngày 17/5/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Kim Thương